

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Số: 31/2014/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 12 năm 2014

SỞ TƯ PHÁP T. BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CÔNG VĂN BẢN

Số: 19/2014

Ngày 19/12/2014

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015
nguồn vốn ngân sách nhà nước**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU KHOÁ V, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Sau khi xem xét Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 12/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014 nguồn vốn ngân sách nhà nước; Báo cáo thẩm tra số 158/BC-KTNS ngày 12/12/2014 của Ban Kinh tế-Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 nguồn vốn ngân sách nhà nước, với những nội dung chính như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 là 5.137,501 tỷ đồng, bao gồm:

1.1. Vốn Trung ương 344 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu: 284 tỷ đồng.
- Vốn nước ngoài (ODA): 60 tỷ đồng.

1.2. Vốn ngân sách tỉnh 4.793,501 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương: 3.832,921 tỷ đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 200 tỷ đồng.
- Vốn xổ số kiến thiết: 760,58 tỷ đồng.

2. Phân bổ kế hoạch đầu tư năm 2015 như sau:

2.1. Vốn Trung ương hỗ trợ: 344 tỷ đồng:

- Các dự án Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu: Theo danh mục chương trình dự án Trung ương giao: 284 tỷ đồng.

- Vốn ODA phân bổ cho 2 dự án Thu gom và xử lý nước thải thành phố Vũng Tàu và Thành phố Bà Rịa: 60 tỷ đồng.

2.2. Vốn ngân sách tỉnh: 4.793,501 tỷ đồng:

- Đầu tư các xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 260 tỷ đồng.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho lực lượng công an, quân sự các xã, phường, thị trấn: 57 tỷ đồng.

- Đầu tư sơ sở hạ tầng vùng đồng bào dân tộc theo Đề án Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu: 65 tỷ đồng.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng Chương trình 135 giai đoạn III: 40 tỷ đồng.

- Bổ sung vốn đầu tư và hỗ trợ đầu tư một số dự án cụ thể cho ngân sách huyện, thành phố: 319 tỷ đồng.

- Vốn các dự án tỉnh quyết định đầu tư: 4.052,501 tỷ đồng, phân bổ như sau:

+ 84 dự án hoàn thành 700,501 tỷ đồng;

+ 150 dự án chuyển tiếp 2.882 tỷ đồng;

+ 37 dự án khởi công mới 470 tỷ đồng.

(có phụ lục danh mục dự án đính kèm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa V, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18/12/2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban CTĐB-UBND;
- Bộ Kế hoạch-Đầu tư, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTr.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban của HĐND, ĐB.HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND các huyện, TP;
- Website HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Báo BR-VT, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, CTĐB/110b/18.12.2014/C1.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh



PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2015 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Nghị quyết số 31 /2014/NQ-HĐND ngày 18/12/2014 của HĐND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
i	TỔNG SỐ					4,052,501	760,580	658,335	
A	TKKL DA ĐÃ HOÀN THÀNH					700,501			
	TP Vũng Tàu								
1	Trường THCS phường 5 TP Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	36 phòng học	48,200	43,863	3,000			
2	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng TP Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	36 phòng học	93,654	80,916	4,000	4,000		
	TP Bà Rịa								
1	Trường THCS Phước tấn	UBND TP Bà Rịa	27 phòng	64,680	42,124	18,000	18,000		
2	Trường tiểu học bán trú Long hương	UBND TP Bà Rịa	24 phòng	39,925	33,000	5,000			
	Huyện Châu Đức								
1	Trường tiểu học Lê Hồng Phong xã Kim long	UBND H.Châu đức	16 phòng học	22,490	5,326	12,000			
2	HTKT khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp đó thị Châu Đức	UBND H.Châu đức	44,3 Ha; 1.039 lô đất và 300 căn hộ chung cư	166,277	130,168	22,400			
3	Đường QH số 25 thị trấn Ngãi giao huyện Châu đức	UBND H.Châu đức	2.150,5m	87,527	79,299	7,000			
4	Trường mầm non Nghĩa thành	UBND H.Châu đức	14 nhóm lớp	30,516	25,989	4,000			
5	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND H.Châu đức	24 phòng học	66,003	52,983	11,000	11,000		
6	Trường mầm non xã Xà bang	UBND H.Châu đức	18 nhóm lớp	59,311	38,987	16,000			
	Huyện Long Điền				0				
1	XD nhà công vụ giáo viên khu vực Long hải-Phước tỉnh	UBND H.Long điền	15 căn hộ	17,312	14,719	1,341			
2	Trường THPT liên xã Phước tinh-Phước hưng	UBND H.Long điền	28 phòng	100,346	83,757	9,000			
3	Đường QH số 14 thị trấn Long điền (giai đoạn 2: hoàn thiện mặt đường)	UBND H.Long điền	1.047,8 m	28,974	19,833	5,000			
4	Trung tâm hành chính huyện Long điền (giai đoạn 1: GPMB, san nền và bờ kè)	UBND H.Long điền	8,042 ha	113,953	105,875	3,400			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
	<u>Huyện Đất Đỏ</u>								
1	Đường Phước hải-Lộc an	UBND H. Đất đỏ	3,198 km	76,616	72,438	4,180			Đã phê duyệt QT
2	Đường QH số 2 xã Phước hải (giai đoạn 1 và 2)	UBND H. Đất đỏ	2.070m	75,739	67,202	6,000			
3	Trường THCS xã Phước thành	UBND H. Đất đỏ		29,634	25,467	4,170			Đã phê duyệt QT
4	Trường tiểu học Phước Hải 3	UBND H. Đất đỏ	20 phòng	36,238	29,241	6,000			Đã phê duyệt QT
	<u>Huyện Tân Thành</u>								
1	Khu tái định cư xã Hắc dịch	UBND H. Tân thành	15,6ha; 457 nền đất	97,757	89,892	4,000			
2	Trường mầm non xã Mỹ xuân	UBND H. Tân thành	10 nhóm lớp	30,105	19,723	7,000			
3	Trường mầm non xã Tân hòa	UBND H. Tân thành	10 nhóm lớp	20,888	17,801	2,000			
4	Trường mầm non xã Tân phước	UBND H. Tân thành	10 nhóm lớp	28,896	24,552	3,500			
	<u>Huyện Xuyên Mộc</u>								
1	Trường THCS xã Phước tân giai đoạn 2	UBND H. Xuyên mộc	18 phòng học	23,949	22,139	1,500			
2	Giai đoạn 3 trường tiểu học Huỳnh Minh Thanh	UBND H. Xuyên mộc	1619m2	15,095	12,214	2,000			
3	Trường mầm non Bình châu	UBND H. Xuyên mộc	10 nhóm/ 310 cháu	14,291	13,663	630			Đã phê duyệt QT
4	Trường tiểu học Bung kê B	UBND H. Xuyên mộc	30 phòng	31,949	24,748	4,580	4,580		
5	Nâng cấp trường tiểu học Phước bửu (khối hiệu bộ, khối bộ môn, bán trú)	UBND H. Xuyên mộc	4,989m2	25,399	21,699	2,920			
6	Trường tiểu học Hòa Hội	UBND H. Xuyên mộc	20 phòng học	26,147	18,966	5,000			
7	Trường tiểu học Gò cát xã Phước thuận	UBND H. Xuyên mộc	10 phòng học	21,748	19,248	2,000			
8	Trường mẫu giáo huyện Xuyên mộc	UBND H. Xuyên mộc	15 nhóm lớp	43,924	39,929	3,000			
9	Chợ xã Hòa hưng huyện Xuyên mộc	UBND H. Xuyên mộc	7.300m2; 112 quầy sạp	20,665	18,173	2,000			
10	Giai đoạn 2 trường THCS Xuyên mộc	UBND H. Xuyên mộc	2,256 m2	19,900	17,515	2,000			
	<u>Huyện Côn Đảo</u>								
1	Cải tạo lưới điện 22KV Côn đảo	UBND H. Côn đảo	14,757m trung thể, 24,631m hạ thể, 750KV/A	54,110	42,719	6,000			
2	Mở rộng nâng công suất nhà máy điện An hội Côn đảo	UBND H. Côn đảo	3,000KV/A	86,504	68,648	12,000			
3	Hệ thống cấp nước khu trung tâm Côn đảo	UBND H. Côn đảo	13,273m; D60- D165	9,400	7,151	1,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
4	Khu bán trú trường tiểu học Cao Văn Ngọc	UBND H. Côn đảo	480 m2	12,150	11,061	1,000			
5	Nâng cấp hệ thống đường mòn du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Côn đảo	Vườn QG Côn đảo		26,340	22,983	3,000			
	Khối số ngành								
1	Hệ thống sản xuất chương trình thu qua vệ tinh Đài PTTH Tỉnh	Đài PTTH tỉnh		18,132	16,147	1,900			
2	Sửa chữa cải tạo Nhà thiếu nhi tỉnh BR-VT	Nhà Thiếu nhi tỉnh		15,101	14,437	650			
3	S/c Nhà văn hóa thanh niên Tỉnh	Nhà VHTN Tỉnh		5,720	5,037	660			
4	Sửa chữa TT GDTX và hướng nghiệp Vũng tàu	Sở GD và ĐT		9,958	8,012	1,000			
5	Cải tạo nâng cấp Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh BR-VT	Sở GD và ĐT	1.610m2	22,819	19,573	1,320			
6	XD các phòng chức năng trường THPT Long hải-Phước tỉnh	Sở GD và ĐT	1.560 m2	13,803	8,741	3,000			
7	Sửa chữa nâng cấp trường THPT Xuyên mộc	Sở GD và ĐT	2.911m2	44,429	38,071	4,000			
8	Nâng cấp đường Hội bãi-Châu pha-Đá bạc-Phước tấn	Sở GTVT	20,875km	399,996	389,296	9,000			
9	Mở rộng Trung tâm xã hội tại Tân thành	Sở LD-TBXH	7.104m2	63,137	56,996	3,800			
10	Cải tạo hàng rào bảo vệ Trung tâm dạy nghề và giải quyết việc làm Huyện Xuyên Mộc	Sở LD-TBXH		1,437	958	480			
11	XD kho lưu trữ chuyển dụng của tỉnh tại lô B khu Trung tâm Hành chính-Chính trị tỉnh	Sở Nội vụ	6.652m2	136,000	116,825	15,000			
12	Trung tâm Văn hóa-Thông tin Tỉnh	Sở VH-TT và DL		111,986	96,936	10,000			
13	Đường Vành đai-Thị xã Bà Rịa (QL55 dự kiến) lý trình km0+000 - km2+666,72 thuộc Trung tâm Hành chính tỉnh	Sở Xây dựng		62,519	53,351	9,170			
14	Đường liên kết phía Bắc trung tâm hành chính tỉnh	Sở Xây dựng		15,438	14,525	920			
15	Trung tâm hành chính-Chính trị tỉnh (Trung tâm hội nghị)	Sở Xây dựng	8.329m2	122,708	107,118	8,000			
16	TT Hành chính-Chính trị tỉnh (Trụ sở cơ quan khối Đảng, Đoàn thể)	Sở Xây dựng	23.364m2	300,000	259,515	30,000			
17	TT Hành chính-Chính trị Tỉnh (Trụ sở cơ quan khối Chính quyền)	Sở Xây dựng	55.911m2	612,062	496,512	55,000			Thu hồi tạm ứng NS 9.000 tr đồng
18	TT Hành chính-Chính trị Tỉnh (Khối HTKT và cảnh quan)	Sở Xây dựng		341,417	308,524	20,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
19	Trường chuyên Lê Quý Đôn TP Vũng tàu	Sở Xây dựng	42 phòng	315,995	253,113	40,000			
20	Trường Trung học y tế	Sở Y tế	700 HS	104,549	96,916	4,000			
21	Trang thiết bị chuyên khoa sâu BV Lê Lợi (Phát triển chuyên khoa sâu tại BV Lê Lợi)	Sở Y tế		11,028	9,994	1,000			
22	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc (hạng mục nhà đại thể)	Sở Y tế		1,887	2,110	200			
23	Đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất Trường cao đẳng nghề tỉnh BR-VT	Trường Cao đẳng nghề tỉnh BR-VT	7,497m ²	109,140	94,982	7,000			
24	XD trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị Tỉnh	14,510m ³ ; 3,000 lượt học viên/năm	109,232	106,669	2,000			
25	Nhà ở và làm việc đại đội và mở rộng nhà ăn thuộc Trung đoàn DBDV Minh Dạm	BCHQS Tỉnh	1,605m ²	8,400	6,900	1,500			
26	Trụ sở BCHQS Tỉnh tại Bà Rịa	BCHQS Tỉnh	17,100m ²	248,712	222,739	12,000			
27	Trung tâm huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ công an tỉnh	Công an Tỉnh	8,711 m ²	36,751	32,974	3,000			
28	Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Đồng xuyên	Cy DTKT HIKT KCN DX&PMI		1,349		1,350			
29	Trạm xử lý nước thải KCN Phú Mỹ 1 (giai đoạn 1)	Cy DTKT HIKT KCN DX&PMI		621		630			
30	Đường dây trung thế cấp điện cho KCN Đá Bạc huyện Châu Đức	Sở Công thương	5,800m;	5,969	3,000	2,500			
31	Trạm kiểm soát biên phòng Cải miếp	BCH Biên phòng Tỉnh	777m ²	40,054	35,205	4,000			
32	Xây dựng trụ Sở Bộ chỉ huy Biên phòng Tỉnh tại BR (Đã san nền và kê bao)	BCH Biên phòng Tỉnh	5 ha	48,714	40,000	5,870			
33	XD đập giữ nước PCCC rừng khu vực núi Minh dạm	BQL rừng phòng hộ tỉnh BR-VT	80m; 25,500m ³	6,574	6,061	500			
34	Trụ sở CA Tỉnh tại Bà Rịa	Công an Tỉnh	42,404m ²	406,735	359,917	25,000			
35	Trụ sở công ty Dầu tư và khai thác hạ tầng KCN Đồng xuyên và Phú Mỹ 1	Cy DTKT HIKT KCN DX&PMI	1,884m ²	24,741	22,013	2,730			
36	Trạm tiếp phát sóng phát thanh truyền hình của tỉnh tại huyện Châu đức	Bài PTTH tỉnh	378,8m ²	15,188	11,848	3,000			
37	XD nhà làm việc Trung tâm sản xuất chương trình-Dài PTTH Tỉnh	Bài PTTH tỉnh	1,703m ²	16,728	14,165	2,000			
38	Cải tạo nâng cấp trường THPT Phú Mỹ huyện Tân thành	Sở GD và ĐT		37,911	28,537	5,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
39	Pháo cảnh báo an toàn tĩnh không khu vực sân bay Có Ông-Côn đảo	Sở GTVT	8 phao	5,648	1,000	3,500			
40	Xây dựng trụ sở Đội kiểm lâm cơ động	Sở NN và PTNT	320 m2	2,776	2,053	700			
41	Trụ sở làm việc Trung tâm công nghệ thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	2.228m2	27,327	21,858	4,000			
42	Bia tưởng niệm trung đoàn 4-Quân khu 7	Sở VH-TT và DL	2.000m2	16,480	13,968	2,000			
43	Nhà Bảo tàng Côn Đảo (Hạng mục trung bày)	Sở VH-TT và DL		65,823	64,331	1,000			Vốn TPCP: 315.000 triệu đồng
44	XD mới BV Tĩnh tại Bà Rịa	Sở Xây dựng	700 giường	776,957	660,835	120,000			
45	Thiết bị trường cao đẳng cộng đồng	Trường Cao đẳng cộng đồng		75,030	30,084	1,000			
46	Nâng cấp nhà máy nước Châu pha	TTNSH&VSM-T	5.000m3/ngày	37,662	31,765	4,500			
47	Nhà ở xã hội tại khu Chín A phường Thắng nhất thành phố Vũng tàu	XN QL và KD nhà	451 căn hộ	403,228	288,319	60,000			Thu hồi tạm ứng NS 20,0 tỷ đồng
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP					2.882.000			
	TP Vũng Tàu								
1	Đường Ngô quyền phường 10 TPVT	UBND TP Vũng tàu	1.487m	68,413	48,756	5,000		4,500	
2	Khu di tích lịch sử nhà má Tám Nhung và TT Văn hoá học tập cộng đồng phường 6 TPVT	UBND TP Vũng tàu	1.084m2	32,341	13,127	5,000			
3	BTGPMB TT Hành chính TP Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	90.394m2	72,776	35,774	10,000			
4	Khu tái định cư Tây Bắc đường AIII thành phố Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	24,8ha; 513 lô đất	493,342	35,866	11,000			
5	Đường Lê Quang Định từ đường 30/4 đến đường Bình giả phường 10 TPVT	UBND TP Vũng tàu	1.934m	50,000	44,994	4,000			
6	Đường vào trụ sở UBND phường 10	UBND TP Vũng tàu	180m	14,479	9,171	4,000			
7	Trường tiểu học Bến Nôm phường 10	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	104,966	8,303	10,000	10,000	10,000	
8	Trường mầm non Phước cơ	UBND TP Vũng tàu	12 nhóm lớp	46,245	8,523	15,000	15,000	15,000	
9	Trường THCS Hân Thuyền (thay cho trường THCS phường 9)	UBND TP Vũng tàu	36 phòng học	114,285	2,092	10,000	10,000	10,000	
10	Trường tiểu học phường 2 TPVT	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	84,592	1,971	10,000	10,000	10,000	9,500
11	Trường tiểu học phường 12 TPVT	UBND TP Vũng tàu	36 phòng học	104,164	9,603	10,000	10,000	10,000	10,000
12	Trường mầm non Phường Thắng Tam	UBND TP Vũng tàu	15 nhóm lớp	53,251	24,710	12,000	12,000	12,000	
13	Đường vào trường THCS phường 12 TPVT	UBND TP Vũng tàu	761m	81,974	23,949	5,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
14	Trường tiểu học Nguyễn Văn Linh TPVT	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	90,750	42,132	20,000	20,000		
15	Mở rộng trường tiểu học bán trú Hạ long TPVT	UBND TP Vũng tàu	32 phòng học	37,169	18,000	8,000	8,000		
16	Mở rộng trường tiểu học Nguyễn Thái Học TPVT	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	69,138	32,443	15,000	15,000		
17	Trường mầm non Phường 2	UBND TP Vũng tàu	8 nhóm lớp	22,391	6,050	10,000	10,000		
18	Trường mầm non phường 9 TPVT	UBND TP Vũng tàu	8 nhóm lớp	34,703	7,170	10,000	10,000		
19	Trường mầm non Phường 6	UBND TP Vũng tàu	10 nhóm lớp	34,564	9,200	10,000	10,000		
20	Trường mầm non Sao Kim TPVT (tại trụ sở cũ của Ban Tổ chức tỉnh ủy số 28 Lý Thường Kiệt)	UBND TP Vũng tàu	12 nhóm lớp	37,043	10,006	10,000	10,000		
21	Cải tạo nâng cấp đường Bến Nôm <u>TP Bà Rịa</u>	UBND TP Vũng tàu	923,89 m	42,789	18,000	14,000			
1	BTGPMB và HTKT khu tái định cư tại chỗ công viên 30/4 thị xã Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	10,37ha; 486 lô đất	130,947	66,803	20,000		10,000	
2	Khu tái định cư phía Bắc hương lộ 10 phường Long tâm thị xã Bà Rịa (phục vụ BTGPMB khu Vạn kiếp)	UBND TP Bà Rịa	10,56ha; 393 lô đất	112,995	72,988	20,000			
3	Khu bán trú và 12 phòng học trường tiểu học Kim đình	UBND TP Bà Rịa	12 phòng	59,689	21,000	12,000	12,000		
4	Trường mầm non Phước nguyên	UBND TP Bà Rịa	20 nhóm lớp	50,573	9,969	11,000	11,000		
5	Mở rộng khu tái định cư Đông QL56 thị xã Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	12,46ha; 1.350 căn hộ và 322 nền đất	339,190	226,619	40,000			Thu hồi tạm ứng ngân sách 20.000 triệu đồng
6	Đường vào KCN Kim Đình (Đường QH số 14 phường Kim đình)	UBND TP Bà Rịa	1.363 m	112,962	31,350	20,000			
7	Hương lộ 10 thị xã Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	4.959 m	411,350	136,186	60,000			Thu hồi tạm ứng ngân sách 40.000 triệu đồng
8	Trường mầm non Phước Hiệp	UBND TP Bà Rịa	20 nhóm lớp	98,467	30,000	20,000	20,000		
9	Đường trục chính xã Tân Hưng (giai đoạn II nói Quốc lộ 56)	UBND TP Bà Rịa	1.650 m	167,328	38,991	20,000		15,000	
10	Cải tạo bờ Tây sông Dinh	UBND TP Bà Rịa	620m; 5,7 ha	153,663	68,000	20,000		10,000	
11	Khu tái định cư cánh đồng mất mèo thị xã Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	2,74ha; 82 căn hộ	205,577	48,000	15,000			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
12	HTKT khu quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Long Phước thị xã Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	8,96 ha	135,448	37,000	20,000		19,000	
13	Công viên 30/4 (Công viên Bà Rịa) giai đoạn I (gồm đường vào và lễ đài)	UBND TP Bà Rịa	12,12 ha	218,603	20,000	20,000		19,000	
14	Đường Nguyễn Tất Thành nối dài	UBND TP Bà Rịa	2,187 m	217,474	20,553	20,000		19,000	
1	Huyện Châu Đức TT văn hóa thể thao huyện Châu Đức	UBND H. Châu Đức	12,183 m2	186,643	71,036	40,000			
2	Đường giao thông nội vùng dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Suối rao huyện Châu Đức	UBND H. Châu Đức	15,469 km	47,703	27,156	10,000			
3	Đường số 11 thị trấn Ngãi giao	UBND H. Châu Đức	2,145,23 m	102,329	79,863	15,000			
4	Trường mầm non xã Bình ba	UBND H. Châu Đức	15 nhóm lớp	45,797	19,982	15,000	15,000		
5	Đường GT nội vùng DA định canh định cư xã Đá Bạc	UBND H. Châu Đức	12,478 m	34,826	30,000	4,000			
6	Trường THCS Xã bang	UBND H. Châu Đức	18 phòng học	58,495	31,999	10,000	10,000		
7	Trường THCS Cao Bá Quát	UBND H. Châu Đức	18 phòng học	76,057	32,995	15,000	15,000		
8	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Châu Đức	UBND H. Châu Đức	1.541m2	41,833	17,997	10,000			
9	Trường mầm non Xuân Sơn	UBND H. Châu Đức	11 nhóm lớp	65,185	5,000	20,000	20,000		
	Huyện Long Điền								
1	Trường tiểu học bán trú Phước hưng 3	UBND H. Long Điền	28 phòng	71,261	46,356	15,000	15,000		
2	Trường tiểu học Phước tỉnh 1	UBND H. Long Điền	28 phòng	96,585	51,855	15,000	15,000		
3	Trường tiểu học bán trú Long hải	UBND H. Long Điền	28 phòng	113,443	80,983	12,000	12,000		
4	Đường QH số 9 thị trấn Long hải	UBND H. Long Điền	658,23m	51,839	39,878	5,000			
5	Đường QH số 7 thị trấn Long hải	UBND H. Long Điền	6.102 m	205,954	81,069	25,000		20,000	Thu hồi tạm ứng NS 10.472 tr đồng
6	Trường THCS Long hải 2	UBND H. Long Điền	28 phòng	93,308	51,134	14,000	14,000		
7	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Long Điền	UBND H. Long Điền	20 phòng	81,490	47,199	12,000	12,000		
8	Trường mầm non Long điền 3	UBND H. Long Điền	12 nhóm lớp	58,557	24,500	12,000	12,000		
9	Trường mầm non Phước Hưng 2	UBND H. Long Điền	5 nhóm lớp	29,469	8,881	10,000	10,000		
10	Trường tiểu học bán trú Phước tỉnh	UBND H. Long Điền	28 phòng	143,070	24,510	20,000	20,000	7,000	
11	Trường mầm non Long Hải 3	UBND H. Long Điền	12 nhóm lớp	56,020	15,500	12,000	12,000	5,000	

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
12	Trường mẫu giáo Tam Phước huyện Long Điền	UBND H.Long điền	12 nhóm lớp	53,016	9,000	15,000	15,000		
	Huyện Đất Đỏ								
1	TT Văn hóa huyện Đất đỏ	UBND H.Đất đỏ	3.829m ²	197,782	88,991	32,000			
2	Trường mầm non Phước hải 3	UBND H.Đất đỏ	14 nhóm lớp	45,694	31,965	8,000	15,000		
3	Đường Phước hải-Đất đỏ	UBND H.Đất đỏ	3.863,74m	399,835	229,053	45,000			
4	Chợ liên xã Long mỹ-Phước hội	UBND H.Đất đỏ	36 kios, 67 quầy sạp	39,959	16,500	16,000			
5	Khu chế biến hải sản tại Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	38,05 ha	157,299	40,000	40,000			
6	Trường mầm non xã Phước Hội	UBND H.Đất đỏ	9 nhóm lớp	47,840	7,007	15,000	15,000		
	Huyện Tân Thành								
1	Đường QH phía Đông và phía Bắc khu tái định cư 44 ha	UBND H. Tân thành	1.312 m	109,421	53,600	20,000			
2	Khu tái định cư xã Tân phước	UBND H. Tân thành	15,282ha; 498 nền đất	152,333	23,206	25,000		24,000	
3	Di dời, tái định cư các hộ dân khu phố Ngọc hà thị trấn Phú mỹ (năm trong khu vực 21 ha phía Bắc nhà máy Thép Việt)	UBND H. Tân thành	21 ha	322,067	182,257	10,000		10,000	
4	Trường mầm non Phú Mỹ	UBND H. Tân thành	16 nhóm lớp	57,616	11,469	13,000	13,000		
5	Trường mầm non xã Hắc dịch	UBND H. Tân thành	10 nhóm lớp	62,277	25,000	11,000	11,000		
6	Trường Mầm non xã Tóc Tiên	UBND H. Tân thành	10 nhóm lớp	46,799	16,000	11,000	11,000		
7	Đường quy hoạch P khu đô thị mới Phú Mỹ	UBND H. Tân thành	3.195 m	283,632	38,000	30,000		29,000	
	Huyện Xuyên Mộc								
1	Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão Bến lới Bình châu	UBND H. Xuyên mộc	15 trụ neo và 48 bộ phao neo	209,788	133,850	20,000			TMDT 289,788 tỷ; NSTW: 80,0 tỷ, NSDP: 209,788 tỷ đồng
2	Chợ xã Tân lân huyện Xuyên mộc	UBND H. Xuyên mộc	1,649 ha; 120 quầy sạp	21,737	9,720	8,000			
3	Mô rộng trường THPT Phước bửu huyện Xuyên mộc	UBND H. Xuyên mộc	735m ²	14,880	11,710	2,000	2,000		
4	Trường tiểu học Phước tân xã Phước tân	UBND H. Xuyên mộc	13 phòng học	37,117	19,116	10,000	10,000		
5	Trường mầm non Hướng Dương xã Phước Thuận	UBND H. Xuyên mộc	15 nhóm lớp	60,247	19,819	12,000	12,000		
6	Trường mầm non Bình Châu 2 xã Bình Châu	UBND H. Xuyên mộc	15 nhóm lớp	71,490	25,998	12,000	12,000		
7	Khu chế biến hải sản tại Xuyên Mộc	UBND H. Xuyên mộc	22,5 ha	175,773	40,000	40,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
8	Đường Hòa hiệp-Bàu ma-Bình châu <u>Huyện Côn Đảo</u>	UBND H.Xuân mộc	14.902 m	52,074	13,188	12,000			
1	Chung cư cho người thu nhập thấp	UBND H.Côn đảo	48 căn hộ	71,358	37,923	12,000			
2	Hồ Quang Trung II Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	645.000m3	211,484	23,842	2,000			Vốn TW đầu tư 50%, năm 2015 phân bổ 70,0 tỷ đồng
3	Cảng tàu khách Côn đảo	BQL Cảng Bến đầm	50md	158,406	46,787	5,000			
4	Tàu khách cao tốc Vũng Tàu-Côn Đảo	BQL Cảng Bến đầm		96,967	3,000	100			Vốn TW đã hỗ trợ năm 2013 là 50 tỷ đồng, đến nay chưa sử dụng số vốn này
5	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Côn Đảo <u>Khối sở ngành</u>	BQL Cảng Bến đầm		39,346	10,000	10,000			Vốn TW 131.343 triệu đồng
1	Trụ sở Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh tại Bà Rịa	Ban BVSKCB Tỉnh	2.689 m2	43,771	16,940	12,000	12,000		
2	Nhà ở xã hội cho lực lượng vũ trang thuộc BCHQS Tỉnh tại phường 4 TPVT	BCHQS Tỉnh	114 căn hộ	113,116	35,000	20,000			
3	Xây dựng khu Bệnh xá; Nhà ở Công vụ cho sỹ Quan và Trung đoàn dự bị động viên của Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	BCHQS Tỉnh	12.424m2	108,857	46,069	10,000			
4	XD hội trường D2, chốt Ống Đựng và kho xăng dầu tại Côn đảo	BCHQS Tỉnh	490 m2	14,953	9,974	4,000			
5	Bãi chứa rác tạm tại xã Tóc tiên (HTKT khu xử lý chất thải tập trung Tóc tiên huyện Tân thành)	Công ty Môi trường tỉnh BR-VT	100 ha	137,625	93,627	10,000			
6	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Phú mỹ 1	Cty ĐTKT HTKT KCN ĐX&PM1	954,4 ha	1,722,700	1,429,895	100,000		17,550	Thu hồi tạm ứng NS 9,815 tr đồng
7	Trạm xử lý nước thải KCN Phú mỹ giai đoạn 2	Cty ĐTKT HTKT KCN ĐX&PM1	1.500m3/ngày đêm	27,984	8,084	7,000			
8	Tuyến cống thoát nước mưa T4 khu công nghiệp Phú mỹ 1	Cty ĐTKT HTKT KCN ĐX&PM1	605m x (2,5x2,5)2 + 60m (10x2,5)	63,976	12,796	12,000			
9	Dự án ODA thu gom và xử lý nước thải TP Vũng tàu	Cty Thoát nước và PT đô thị tỉnh BR-VT	20.000 m3/ngày	507,559	432,960	20,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
10	Dự án thu gom và xử lý nước thải thị xã Bà Rịa (ODA Thụy sĩ)	Cty Thoát nước và PT đô thị tỉnh BR-VT	12.000m ³ / ngày đêm	348,576	33,172	18,000			Tổng mức: 348,6 tỷ; Đối ứng 348,576 tỷ (XL: 236,162 tỷ, đến bù: 20 tỷ, Khác: 60,725 tỷ, dự phòng 31,689 tỷ). ODA: 200,024 tỷ
11	Thay thế các hố ga thu hiện hữu hàng hố ga ngăn mùi kiểu mới	Cty Thoát nước và PT đô thị tỉnh BR-VT	21.272 hố ga	209,443	121,999	5,000			
12	Trạm tiếp sóng chương trình PT-TH tại huyện Côn đảo	Dài PTTH tỉnh	300W	40,930	8,259	8,000			
13	Ngăn hóa lưới điện hạ thế thị xã Bà Rịa	Sở Công thương	35,42 km	139,900	68,074	22,000			
14	Nâng cấp mở rộng trường THPT Hòa hội	Sở GD và ĐT	8 phòng học	54,498	42,699	7,000	7,000		
15	Nâng cấp mở rộng trường THPT Ngô Quyền	Sở GD và ĐT	12 phòng học	37,674	30,996	5,000	5,000		
16	Trường THPT Liên phường: Phường 10 + Phường 11 và Phường 12 tại Tp Vũng Tàu	Sở GD và ĐT	36 phòng học	164,892	3,349	19,000	19,000	19,000	
17	XD giai đoạn 2 Trung tâm Giáo dục thường xuyên- Hướng nghiệp thị xã Bà Rịa	Sở GD và ĐT	4,723 m ²	56,309	33,710	12,000	12,000		
18	Cải tạo, sửa chữa 9 tuyến đường trên địa bàn Tỉnh (Thủy văn, 3/2, Láng cát-Lơng sơn, đường ven biển, tỉnh lộ 44B, đường vào suối nước nóng Bình châu, Xã bang-Làng lớn, ranh giới Phước bình, Kim long- Quảng thành)	Sở GTVT	40,37km	255,725	223,000	25,000			
19	Đường 30/4 đoạn từ ngã 3 Chí linh đến Eo Ông từ	Sở GTVT	7,2 km	948,723	147,092	150,000		70,000	Thu hồi tạm ứng NS 49,765 tr đồng
20	Đường 51B (Đoạn cuối QL 51)	Sở GTVT	12,02km	654,968	618,925	40,000			Thu hồi tạm ứng NS 34,999 tr đồng
21	Đường Bình ba-Dã bặc-Phước tân (thuộc DA Đường Hội bãi-Châu pha-Dã bặc-Phước tân giai đoạn 2)	Sở GTVT	24,518km	704,889	236,500	110,000			Thu hồi tạm ứng NS 24,520 tr đồng
22	Nâng cấp đường Ấp Bắc xã Hòa long đi thôn Quảng phú xã Dã bặc	Sở GTVT	5,888km	172,440	125,304	35,000			
23	Nâng cấp mở rộng đường Mỹ xuân-Ngãi giao-Hòa bình	Sở GTVT	20,7 km	265,126	175,838	25,000			
24	Quốc lộ 56-tuyến tránh thị xã Bà Rịa	Sở GTVT	12,187 km	733,842	110,000	92,000		92,000	Thu hồi tạm ứng NS 91,569 tr đồng

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
25	Tỉnh lộ 765	Sở GTVT	12,036km	289,605	196,437	40,000			
26	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bảo trợ trẻ em Vũng Tàu	Sở LĐ-TBXH	300 đối tượng	110,896	44,000	23,000			
27	XD VP làm việc, sửa chữa cải tạo khu cải thiện tự nguyện và đường nội bộ Trung tâm GDLE-DN Phú Mỹ	Sở LĐ-TBXH		65,681	33,799	18,000			
28	Công trình bảo vệ bờ biển Bến Lội	Sở NN và PTNT	800 m	46,522	12,485	10,000			Vốn TW 20 tỷ đồng
29	Hệ thống tưới Châu pha-Sông xoài	Sở NN và PTNT	18.140m, tưới 570 ha	34,954	28,808	3,000			
30	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Dinh	Sở NN và PTNT	1.095 tàu cá	44,597	17,643	8,000			TMDT 130.612 tr, trong đó vốn ĐP 44.597 tr
31	Nâng cấp đê Hải Đăng	Sở NN và PTNT	3.458 m	114,975	44,000	5,000			Vốn TW 27.453 triệu đồng
32	Nâng cấp mở rộng Trại heo giống tỉnh BR-VT	Sở NN và PTNT	4.000 con giống/năm	72,589	36,043	8,000			
33	Nhà bảo tàng Tỉnh	Sở VH-TT và DL	12.500m2	139,076	79,130	22,000			
34	Xây dựng khu hậu cứ cho Đoàn ca múa nhạc của Tỉnh tại Bà Rịa (Trụ sở Đoàn ca múa nhạc tỉnh BR-VT)	Sở VH-TT và DL	2.274m2	45,121	31,802	8,000			
35	Hạ tầng khu nhà ở cho công nhân trong khu công nghiệp	Sở Xây dựng	14,47 ha, 1.012 căn hộ	173,595	136,503	10,000			
36	XD mới BV thành phố Vũng tàu	Sở Xây dựng	350 giường	435,519	126,705	30,000	30,000	25,000	
37	Bệnh viện đa khoa huyện Long Điền	Sở Y tế	100 giường	180,134	58,796	20,000	20,000		
38	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh BR-VT	Sở Y tế	100 giường	178,853	33,486	30,000	30,000		
39	Mở rộng bệnh viện huyện Tân thành	Sở Y tế	100 giường	69,294	14,919	20,000	20,000	10,000	
40	Trang thiết bị y tế BV Bà Rịa	Sở Y tế		637,277	145,631	240,000			Thu hồi tạm ứng NS 213.200 triệu đồng
41	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Bà Rịa	Sở Y tế	3.300m2	38,388	34,580	2,000	2,000		
42	Trung tâm y tế huyện Côn Đảo	Sở Y tế		45,871	9,500	12,000	12,000		
43	TT phòng chống HIV/AIDS	Sở Y tế	2.995m2	40,305	13,641	8,000	8,000		
44	Xây dựng mới bệnh viện tâm thần	Sở Y tế	150 giường bệnh	182,787	78,568	30,000	30,000		
45	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT	Trung tâm Đăng kiểm		49,088	34,133	7,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
46	Đường QH D10 khu du lịch Chi linh-Cửa Lấp TPVT	TT Phát triển quỹ đất	836m	91,873	35,948	5,000			
47	Đường QH D15 khu du lịch Chi linh-Cửa Lấp TPVT	TT Phát triển quỹ đất	1.121,8m	44,111	17,438	900		900	
48	XD mới trụ sở Chi cục Quản lý thủy nông	TT Quản lý khai thác công trình thủy lợi	1.046m2	10,428	7,838	2,000			
49	DA ODA nước sạch nông thôn tỉnh BR-VT (Nhà máy cấp nước Sông Hòa và Hệ thống cấp nước Hồ Đá đen)	TTNSH&VSMT	5.400m3/ngày đêm	209,200	21,833	12,000			Vốn nước ngoài 78,996 triệu đồng (2.821.314 EUR)(3,8 triệu USD). Năm 2015 chưa được TW bố trí vốn ODA
50	Mở rộng mạng cấp nước các hệ cấp nước huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc	TTNSH&VSMT	224,505 m; D60-D180	97,799	51,984	20,000			
51	Mở rộng mạng cấp nước các hệ cấp nước huyện Đất Đỏ và huyện Long Điền	TTNSH&VSMT	7.229 m; D90-D160	63,862	33,000	17,000			
52	Mở rộng mạng cấp nước các hệ cấp nước huyện Tân Thành và thị xã Bà Rịa	TTNSH&VSMT	131,049 m; D60-D160	87,739	32,000	25,000			
53	Nhà máy cấp nước Sông Ray	TTNSH&VSMT	10,000 m3/ngày đêm	181,860	26,785	34,000			
54	Tuyến ống chuyển tải nước Châu pha-Đá bạc	TTNSH&VSMT	15,895m; D250	25,586	18,396	5,000			
55	XD nhà ở xã hội tại lô số 2 khu tái định cư đường AIII phường 11 TPVT	XN QL và KD nhà	440 căn hộ	238,458	1,864	7,000		7,000	
56	Mở rộng trường THPT Hòa bình huyện Xuyên mộc	Sở GD và ĐT	18 phòng học	46,180	0	10,000		10,000	
57	Mở rộng trường THPT Trần Phú huyện Châu Đức	Sở GD và ĐT	2,930 m2	73,094	2,000	15,000	15,000		
58	Sửa chữa lớn tỉnh lộ 44A	Sở GTVT	7,607 km	92,018	15,000	60,000			
59	Sửa chữa Trung tâm giáo dục lao động dạy nghề Xuyên Mộc	Sở LĐ-TBXH	117,75 ha	31,146	10,000	12,000			
60	XD HTKT phục vụ sản xuất, chế biến và lưu thông muối trên địa bàn tỉnh BR-VT	Sở NN và PTNT	375 ha	42,338	10,050	14,000			
61	Trại thực nghiệm nuôi thủy sản nước ngọt tỉnh BR-VT	Trung tâm Khuyến nông-Khuyến ngư	31,436m2	23,534	6,000	7,000			
62	Cải tạo sửa chữa hoàn thiện cơ sở vật chất trường Cao đẳng sư phạm tỉnh BR-VT	Trường Cao đẳng sư phạm tỉnh BR-VT	8,835 m2	132,890	10,550	3,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
63	Trạm bơm tại cống tiêu Phước Bửu	TT Quản lý khai thác công trình thủy lợi	3x280m3/h	9,340	4,010	4,000			
64	Cấp nước sạch cho 62 trường học trên địa bàn tỉnh	TTNSH&VSMT	25.754 m; D25-D160	24,660	12,000	10,000			
65	Mở rộng mạng cấp nước 3 xã Sông Xoài, Túc Tiến, Hắc Dịch	TTNSH&VSMT	80.722m; D63-D168	64,002	9,000	17,000			
66	Trường huấn luyện và tập huấn BDBP tỉnh BR-VT	BCH Biên phòng Tỉnh	11 ha; 150 cán bộ, chiến sỹ	55,598	3,000	11,000		2,000	
67	Doanh trại Đại đội công binh 46 tại xã Phước Hội huyện Đất Đỏ	BCHQS Tỉnh	1.648 m2	21,993	7,000	7,000			
68	Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh BR-VT (NS tỉnh hỗ trợ 50% vốn đầu tư)	Công an Tỉnh	700 chỗ	40,000	20,000	9,000			
C	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI					470,000			
1	Trường mầm non Rạch Dừa Phường Rạch Dừa	UBND TP Vũng tàu	18 nhóm lớp	120,719		25,000		23,000	
2	Trường mầm non Phường 12	UBND TP Vũng tàu	15 nhóm lớp	52,000		10,000			
3	Trường THCS phường 8 (trường THCS Phan Văn Trị)	UBND TP Vũng tàu	28 phòng học	65,161		15,000			
4	Đường Chí Linh (Nguyễn Hữu Cánh) TPVT	UBND TP Vũng tàu	1.268 m	137,234		25,000		16,300	
5	Trường mầm non Long Xuyên xã Hòa Long	UBND TP Bà Rịa	20 nhóm lớp	74,775		15,000		7,700	
6	Mở rộng Trường mầm non Long Phước TPBR	UBND TP Bà Rịa	6 nhóm lớp	22,707		7,000		4,000	
7	Hạ tầng kỹ thuật khu TTCN phục vụ di dời các cơ sở thủ công nghiệp gây ô nhiễm trên địa bàn thành phố Bà Rịa tại Hòa Long	UBND TP Bà Rịa	9,9 ha	150,647		24,000		23,500	
8	Đường QH số 4 (đoạn 2)	UBND H.Xuân mội	2.470m	86,354		15,000		15,000	Bổ trí vốn BTGPMB
9	Trường tiêu học Hồ Tràm.	UBND H.Xuân mội	16 phòng học	85,925		15,000		10,000	
10	Đường vào cụm CN-TTCN Hắc dịch	UBND H.Tân thành	1.414m	20,222		7,000		4,180	
11	Đường QH số 32 khu đô thị mới Phú Mỹ	UBND H.Tân thành	1.370 m	22,005		8,000		7,500	Bổ trí vốn BTGPMB
12	Trung tâm hành chính huyện Long Điền (giai đoạn 2: Các công trình HTKT, kiến trúc)	UBND H.Long Điền	11.876 m2	344,854		32,000			
13	Trường THCS Phước Hải 2 huyện Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	16 phòng học	62,814		10,500		215	
14	Khu luyện tập thể dục thể thao trường THPT Vô Thị Sáu	UBND H.Côn đảo	1.316 m2	12,088		4,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
15	Trường THCS Côn Đảo	UBND H. Côn đảo	16 phòng học	125,283		10,000		6,000	TP HCM tài trợ phần XL+TB, tỉnh thực hiện BTGPMB+san nền
16	Đường và kè quanh hồ Quang Trung Côn đảo	UBND H. Côn đảo	3,34 km	203,767		20,000		2,550	Vốn TW: 76,267 tỷ đồng, vốn tỉnh: 127,5 tỷ đồng. TW bố trí vốn KCM năm 2015, số vốn 19,0 tỷ đồng
17	Trạm y tế xã Xà bang huyện Châu đức	UBND H. Châu đức	861 m2	12,783		5,000			
18	Trường mầm non xã Bình trung huyện Châu đức	UBND H. Châu đức	16 nhóm lớp	68,236		10,000		4,250	
19	Đường trung tâm xã Bàu Chinh huyện Châu Đức	UBND H. Châu đức	8.086 m	137,970	130	15,000		15,000	Thực hiện BTGPMB và đầu tư giai đoạn 1 khoảng 5 km từ xã Lăng Lớn đến khu dân cư Tân Hưng và trường tiểu học Lê Hồng Phong
20	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế tuyến cơ sở	Sở Y tế	7 TT Y tế; 6 phòng khám khu vực; 79 trạm y tế	115,061		19,000			
21	Dự án tăng cường tiềm lực trang thiết bị cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	1.572 m2	31,510		7,000			
22	Đường Phước hoà-Cái mép (giai đoạn 1)	Sở GTVT	3.566m	140,000		50,000		17,000	Bồi thường toàn tuyến với chiều rộng 33m và đầu tư giai đoạn 1 từ QL. 51 đến KCN Phú Mỹ 3, chiều dài 2.200m, nền đường 9m, mặt đường nhựa thảm nhập rộng 7m

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
23	Sửa chữa nâng cấp cầu Tầm Bó đường Kim Long-Quảng Thành huyện Châu Đức	Sở GTVT	cầu 33,9m, đường và cầu 226,18m	25,337		8,000		2,550	
24	Sửa chữa cải tạo các vị trí mất ATGT tại 8 tuyến đường trên địa bàn tỉnh	Sở GTVT		145,331		23,000		12,000	
25	Nâng cấp cải tạo trường THPT Châu thành thị xã Bà Rịa	Sở GD và ĐT	1.277m ²	31,348		6,500			
26	Mở rộng khuôn viên, nâng cấp trường THPT Long Hải-Phước Tỉnh	Sở GD và ĐT	Tăng thêm 7.200m ² đất	46,194		9,000			
27	Mở rộng trường THPT Hắc Dịch	Sở GD và ĐT	Tăng thêm 8.978,3m ² đất	49,928		10,000		9,500	
28	XD cơ sở 2 trường Cao đẳng nghề tại TP Vũng tàu	Trường Cao đẳng nghề tỉnh BR-VT	1.500 học viên	115,500		24,000			
29	Đầu tư xây dựng 24 tuyến điện hạ thế nông thôn	Sở Công thương	87,141km hạ thế; 2.000KVA	33,719		8,000			
30	Đường dây hạ thế và trạm biến áp phục vụ sản xuất độc tuyến kênh chính Hố Sông Ray	Sở Công thương	16.216m hạ thế; 975KVA	8,342		4,000			Vốn TW: 30,0 tỷ, Vốn tỉnh 34,928 tỷ. TW bố trí vốn KCM năm 2015, số vốn 8,35 tỷ đồng
31	Công trình bảo vệ bờ biển Lộc An 1	Sở NN và PTNT	621 m	64,928		5,000		2,060	
32	Sửa chữa, nâng cấp các trạm quản lý bảo vệ rừng số 4, số 5 và số 8 khu BTTN Bình Châu - Phước Bửu.	Khu BTTN BC-PB	1542 m ²	5,563		3,000			
33	Đầu tư xây dựng nhà bia tưởng niệm Thanh Niên Xung phong Tỉnh BR-VT	Sở VH-TT và DL				2,000		200	
34	Mở rộng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT	1.257m ²	19,303		6,000			
35	Trụ sở công an phường Long tâm TXBR	Công an Tỉnh				4,000			
36	Trụ sở công an phường Long toàn TXBR	Công an Tỉnh	553 m ²	8,229		4,000		1,380	

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2014	KH 2015			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
37	Xây dựng mới các trạm kiểm soát biên phòng Phước Tỉnh, Long Hải, trạm quan sát phòng không Bến Đá và sửa chữa các đồn biên phòng: Long Sơn, Chí Linh; trạm kiểm soát biên phòng: cửa khẩu cảng Vũng Tàu, Bến Đá, Bình Châu, Bến Khì; Đội công tác biên phòng: Hải Đăng, Bãi Sau, Hò Cốc	BCH Biên phòng Tỉnh		14,847		5,000			